

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

**Câu 41:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trồng nhiều điều trong các tỉnh sau đây?

A. Khánh Hòa.

B. Đắk Lắk.

C. Bình Định.

D. Phú Yên.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng X, trạm khí tượng nào có lượng mưa cao nhất trong các trạm sau đây?

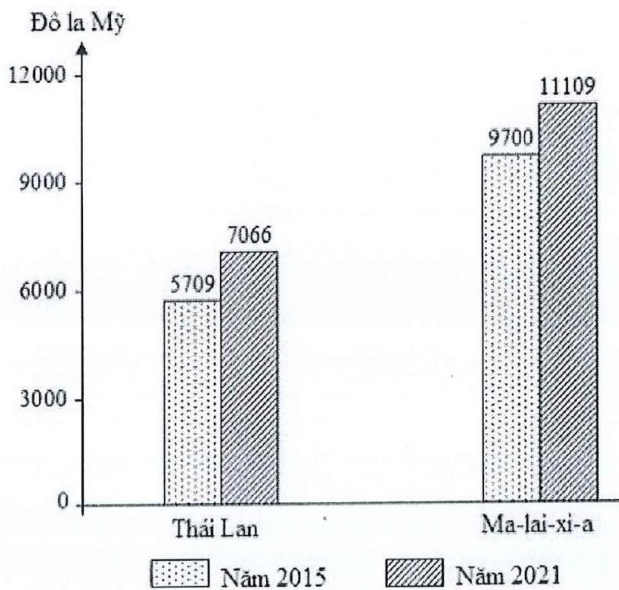
A. Cần Thơ.

B. Thanh Hóa.

C. Đà Nẵng.

D. Lạng Sơn.

**Câu 43:** Cho biểu đồ:



**GDP/NGƯỜI CỦA THÁI LAN VÀ MA-LAI-XI-A NĂM 2015 VÀ NĂM 2021**

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi GDP/người năm 2021 so với năm 2015 của Thái Lan và Ma-lai-xi-a?

A. Ma-lai-xi-a tăng gấp hai lần Thái Lan.

B. Thái Lan tăng nhiều hơn Ma-lai-xi-a.

C. Thái Lan tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a.

D. Ma-lai-xi-a tăng và Thái Lan giảm.

**Câu 44:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết sông Gianh thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Nghệ An.

B. Quảng Bình.

C. Quảng Trị.

D. Thanh Hóa.

**Câu 45:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy thủy điện nào có công suất lớn nhất trong các nhà máy sau đây?

A. Tuyên Quang.

B. Vĩnh Sơn.

C. Hòa Bình.

D. Nậm Mu.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết cảng Quy Nhơn thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Phú Yên.

B. Quảng Ngãi.

C. Khánh Hòa.

D. Bình Định.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây bắt nguồn từ ngoài lãnh thổ chảy vào nước ta?

A. Sông Kinh Thầy.

B. Sông Đà.

C. Sông Lục Nam.

D. Sông Thương.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây có khu kinh tế cửa khẩu?

A. Lào Cai.

B. Tuyên Quang.

C. Bắc Giang.

D. Thái Nguyên.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Lào?

A. Sơn La.

B. Lào Cai.

C. Phú Thọ.

D. Yên Bái.

**Câu 50:** Khó khăn chủ yếu đối với phát triển đánh bắt thủy sản ven bờ ở Đông Nam Bộ là

A. sinh vật suy giảm.

B. ít vũng vịnh.

C. nhiều bãi triều.

D. có rừng ngập mặn.

**Câu 51:** Cho bảng số liệu:

**XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2021**

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Quốc gia	Cam-pu-chia	Phi-li-pin	Ma-lai-xi-a	Mi-an-ma
Xuất khẩu	17,4	101,4	256,8	18,4
Nhập khẩu	18,2	148,8	230,2	16,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng nhập khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu của một số quốc gia năm 2021 ?

A. Cam-pu-chia cao hơn Phi-li-pin.

B. Mi-an-ma cao hơn Ma-lai-xi-a.

C. Ma-lai-xi-a thấp hơn Cam-pu-chia.

D. Phi-li-pin thấp hơn Mi-an-ma.

**Câu 52:** Lũ quét ở nước ta thường xảy ra tại

A. miền núi.

B. đầm phá.

C. đồng bằng.

D. cửa sông.

**Câu 53:** Biện pháp mở rộng rừng đặc dụng ở nước ta là

A. thúc đẩy du lịch.

B. lập vườn quốc gia.

C. xây hồ giữ nước.

D. trồng rừng mới.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc vùng kinh tế Đông Nam Bộ?

A. Biên Hòa.

B. Cà Mau.

C. Mỹ Tho.

D. Long Xuyên.

**Câu 55:** Công nghiệp nước ta hiện nay

A. chỉ có ở đồi núi.

B. chỉ khai khoáng.

C. có nhiều ngành.

D. rất ít sản phẩm.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp chế biến nông sản và đóng tàu?

A. Bìn Sơn.

B. Phúc Yên.

C. Nam Định.

D. Hạ Long.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Vũng Tàu.

B. TP. Hồ Chí Minh.

C. Thủ Dầu Một.

D. Mỹ Tho.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Quảng Nam?

A. Tuy Hòa.

B. Đông Hà.

C. Đồng Hới.

D. Hội An.

**Câu 59:** Cơ sở nhiên liệu chủ yếu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc nước ta là

A. sức gió.

B. dầu khí.

C. than đá.

D. thác nước.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết địa điểm nào sau đây có tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh đi qua?

A. Kon Tum.

B. Tuy Hòa.

C. Hà Giang.

D. Cao Lãnh.

**Câu 61:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây ở phía bắc núi Kon Ka Kinh?

A. Vọng Phu.

B. Chu' Yang Sin.

C. Ngọc Kringh.

D. Chư Pha.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?

A. Hà Nội.

B. Hải Phòng.

C. Cần Thơ.

D. Lạng Sơn.

**Câu 63:** Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp nước ta có xu hướng

A. phát triển nhiều thành phần kinh tế.

B. tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.

C. hình thành những khu chế xuất lớn.

D. chú trọng sản phẩm chất lượng cao.

**Câu 64:** Dân cư nông thôn nước ta hiện nay

A. có tỉ trọng lớn trong cơ cấu dân số.

B. giữ nguyên số lượng qua mỗi năm.

C. tập trung đông đúc ở các vùng núi.

D. gia tăng giống nhau ở các khu vực.

**Câu 65:** Giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả kinh tế của công nghiệp dầu khí nước ta là

- A. đẩy mạnh công tác thăm dò các mỏ mới.
- B. đầu tư nâng cao trình độ người lao động.
- C. tăng cường hoạt động xuất khẩu dầu thô.
- D. hình thành những nhà máy lọc hóa dầu.

**Câu 66:** Lao động nước ta hiện nay

- A. phần lớn có trình độ kỹ thuật cao.
- B. có sự thay đổi cơ cấu theo ngành.
- C. chủ yếu hoạt động ở công nghiệp.
- D. hầu hết làm việc ở các thành phố.

**Câu 67:** Giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả sản xuất cây ăn quả ở nước ta là

- A. phát triển theo hướng luân canh.
- B. gắn chặt cùng thị trường tiêu thụ.
- C. tăng cường quy mô diện tích đất.
- D. nhân rộng giống chất lượng cao.

**Câu 68:** Thuận lợi đối với phát triển các cảng biển ở nước ta là

- A. dọc bờ biển có nhiều vịnh nước sâu.
- B. tại vùng biển có nhiều loài sinh vật.
- C. có phong cảnh đẹp ở nhiều bãi biển.
- D. có dầu khí ở thềm lục địa phía nam.

**Câu 69:** Biện pháp chủ yếu nâng cao năng suất thủy sản nuôi trồng nước ta là

- A. phát triển thị trường tiêu thụ.
- B. đẩy mạnh công nghiệp chế biến.
- C. mở rộng diện tích mặt nước.
- D. ứng dụng khoa học kỹ thuật mới.

**Câu 70:** Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên có

- A. mùa mưa với lượng mưa lớn.
- B. nguồn khoáng sản phong phú.
- C. nhiệt độ trung bình năm cao.
- D. sự phân hóa tự nhiên đa dạng.

**Câu 71:** Giải pháp chủ yếu nâng cao giá trị kinh tế cây cà phê ở Tây Nguyên là

- A. phát triển giao thông, mở rộng thị trường.
- B. sử dụng giống tốt, đa dạng hóa cây trồng.
- C. đẩy mạnh chế biến, tăng cường xuất khẩu.
- D. sản xuất chuyên canh, phát triển thủy lợi.

**Câu 72:** Cho bảng số liệu:

**KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN CHUYÊN PHÂN THEO KHU VỰC VẬN TẢI NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021**

(Đơn vị: Triệu tấn. *km* )

Năm	2010	2013	2016	2021
Trong nước	75484,0	94559,2	113349,7	104010,6
Ngoài nước	144733,4	126366,1	132074,8	84312,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo bảng số liệu, để thể hiện chuyển dịch cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển phân theo khu vực vận tải nước ta giai đoạn 2010 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Cột.
- C. Tròn.
- D. Miền.

**Câu 73:** Việc đầu tư vào các vùng sản xuất lúa chuyên canh ở Đồng bằng sông Cửu Long có vai trò chủ yếu đối với

- A. thúc đẩy áp dụng công nghệ, tăng năng suất.
- B. bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả đất đai.
- C. phát triển hàng hóa, tạo lượng nông sản lớn.
- D. tạo việc làm, nâng cao trình độ của lao động.

**Câu 74:** Việc hình thành các khu kinh tế ven biển ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. mở rộng sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp, phát triển xuất khẩu.
- B. giải quyết vấn đề việc làm, thu hút đầu tư, tạo nguồn hàng hóa xuất khẩu.
- C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy thế mạnh, nâng cao đời sống dân cư.
- D. phân bố lại dân cư, hình thành đô thị mới, khai thác các tiềm năng kinh tế.

**Câu 75:** Giải pháp chủ yếu phát triển chăn nuôi hàng hóa ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. hiện đại chuồng trại, tăng nguồn lao động.
- B. đảm bảo thức ăn, phòng chống dịch bệnh.

- C. sử dụng các giống mới, đa dạng vật nuôi.
- D. sản xuất trang trại, gắn với cơ sở chế biến.

**Câu 76:** Vùng Tây Nguyên có mùa mưa đến sớm hơn vùng Nam Trung Bộ chủ yếu do tác động của

- A. gió mùa Tây Nam, hướng của dãy núi Trường Sơn Nam, dải hội tụ nhiệt đới.
- B. Tín phong bán cầu Bắc, hướng của dãy Trường Sơn Nam, gió mùa Tây Nam.
- C. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, vị trí địa lí, dãy núi Trường Sơn Nam.
- D. gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc, vị trí sườn đông dãy Trường Sơn.

**Câu 77:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. khai thác các tiềm năng, tăng vị thế của vùng, thay đổi đời sống dân cư.
- B. phát huy thế mạnh, nâng cao đời sống người dân, tạo nguồn hàng hóa.
- C. đa dạng hóa sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hạn chế nạn du canh.
- D. tạo mô hình sản xuất mới, sử dụng hợp lí tự nhiên, giải quyết việc làm.

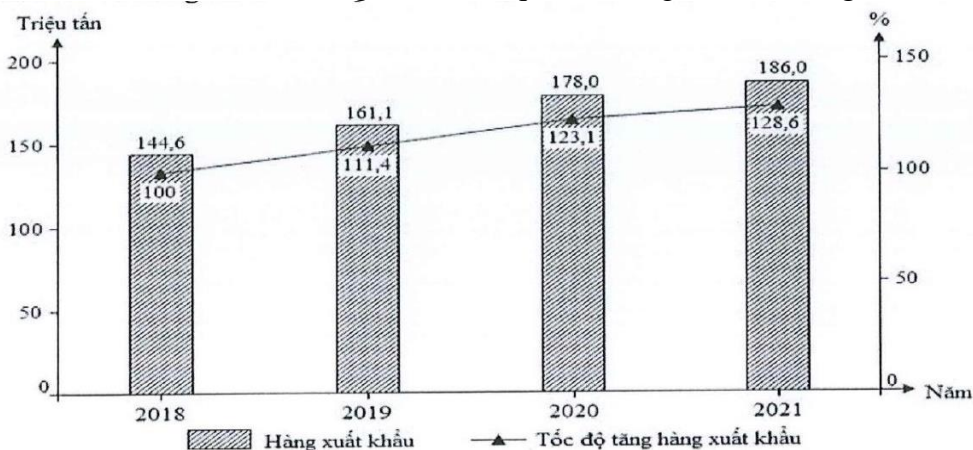
**Câu 78:** Thị trường nhập khẩu của nước ta hiện nay mở rộng chủ yếu do

- A. nhu cầu nguyên liệu cao, dân số gia tăng.
- B. hội nhập toàn cầu sâu, kinh tế phát triển.
- C. công nghiệp tăng trưởng, đổi mới quản lí.
- D. mức sống thay đổi, đẩy mạnh đô thị hóa.

**Câu 79:** Các nhân tố chủ yếu tác động đến sự phát triển giao thông vận tải đường biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đô thị hóa, phân bố dân cư các khu vực.
- B. công nghiệp hóa, vốn đầu tư nước ngoài.
- C. ngoại thương, hội nhập kinh tế toàn cầu.
- D. tăng trưởng kinh tế, đời sống người dân.

**Câu 80:** Cho biểu đồ về hàng xuất khẩu qua các cảng của nước ta giai đoạn 2018 - 2021 :



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tình hình phát triển và cơ cấu của khối lượng.
- B. Khối lượng và tốc độ gia tăng về khối lượng.
- C. Tốc độ tăng hàng năm và cơ cấu khối lượng.
- D. Quy mô và sự thay đổi cơ cấu về khối lượng.

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

----- HẾT -----  
ĐÁP ÁN

41. B	42. C	43. C	44. B	45. C	46. D	47. B	48. A	49. A	50. A
51. C	52. A	53. B	54. A	55. C	56. D	57. D	58. D	59. C	60. B
61. C	62. B	63. D	64. A	65. D	66. C	67. C	68. A	69. D	70. C
71. B	72. D	73. B	74. B	75. D	76. C	77. B	78. C	79. B	80. C